

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017 “ về việc xin ly hôn” giữa :

Nguyên đơn: Bà Văn Thị Mộng H, sinh năm 1984

HKTT: KP B, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Hiện ở: Thôn P, xã L, thị xã C, Phú Yên.

Bị đơn: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1982

Trú tại: KP B, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị L, sinh năm 1949

Trú tại: Kp N, phường P, thị xã C, Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Văn Thị Mộng H và ông Lê Trọng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Văn Thị Mộng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Văn Chính P, sinh ngày 01/09/2009 (giới tính: Nam). Ông Lê Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.250.000đ, ông H có

quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: 01 xe máy Dream, 01 xe tay ga Noza Grand hãng Yamaha, 01 ti vi TG, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh LG, 01 máy điều hòa LG, 2 tủ quần áo 01 kệ sách vở, 01 máy tính, 02 cái giường, 01 cái nệm, 01 cái đầu đĩa, 02 nồi cơm điện, 01 bếp ga, 2 máy quạt, 01 cái võng, bà H và ông H đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị tòa án ghi nhận như sau:

Ông Lê Trọng H được sở hữu, sử dụng 01 Ngôi nhà cấp 4, có kết cấu: nhà 1 tầng, giằng móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men Ceramic diện tích 40 x 40, hệ thống cửa đi và cửa sổ đầy đủ, tổng diện tích 84.34m², xây dựng trên diện tích đất 102m², thuộc thửa số 186, tờ bản đồ số: 144 – ĐC 2, của bà Phạm Thị L; tọa lạc tại KP B, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Ông Lê Trọng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Văn Thị Mộng H số tiền 88.750.000đ (*Tám mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Thời hạn thanh toán tính từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017.

Riêng diện tích đất 102m², thuộc thửa số 186, tờ bản đồ số: 144 – ĐC 2 mà UBND thị xã C cấp cho bà Phạm Thị L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 993911 ngày 23/03/2010, tọa lạc tại khu phố KP B, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên, bà H và ông H xác định không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của bà L; Bà L bà H, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Ông Lê trọng H và bà Văn Thị Mộng H xác định không có nợ chung không ai nợ vợ chồng.

Về án phí: Bà Văn Thị Mộng H phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo phiếu thu số 0006116 ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Lê Trọng H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chi phí định giá: Bà Văn Thị Mộng H tự nguyện chịu 950.000đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng), bà H đã nộp đủ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành 5 án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND thị xã Sông Cầu
- Chi cục THA thị xã Sông Cầu
- UBND nơi ĐKKH
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Hoàng